TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH LỢI** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 14-9-2020
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỢI, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hồng Tư

2. Ông Nguyễn Minh Chiếu

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Nhựt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 143/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2020 về "Tranh chấp yêu cầu ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2020/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn L (Nguyễn Minh L), sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh L:* Bà Tạ Nguyệt T là Luật sư của Công ty luật hợp danh Tạ Nguyệt T thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bạc Liêu.

2. Bị đơn: Chị Phạm Thị Hồng T1, sinh năm 1984; nơi đăng ký thường trú: Ấp H, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị T1:* Ông Lê Hải L1 là Luật sư của Văn phòng luật sư Hải Lâm thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bạc Liêu.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1960 và ông Nguyễn Văn D (Nguyễn Văn D1, Nguyễn Anh D), sinh năm 1959. Cùng địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người đại diện theo ủy quyền của ông D là:* Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1960; địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (Theo văn bản ủy quyền đề ngày 27/02/2020).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T2, ông D:* Bà Tạ Nguyệt T là Luật sư của Công ty luật hợp danh Tạ Nguyệt T thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bạc Liêu.

(Anh L, chị T1, bà T2, Luật sư T, Luật sư L1 có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/11/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn L trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh L và chị Phạm Thị Hồng T1 tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2007 và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10/7/2007. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, đến ngày 25/4/2015 chị T1 bỏ nhà đi làm, thỉnh thoảng mới về thăm con. Vào tháng 5/2019 chị T1 về nhà và sau đó dắt con đi về cha mẹ ruột chị T1 cho đến nay. Nay xét thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không có tình cảm yêu thương, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, anh L yêu cầu ly hôn với chị Phạm Thị Hồng T1. Yêu cầu ly hôn của anh L là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc.

- Về con chung: Anh L xác định có 01 con chung tên là Nguyễn Minh L2, sinh ngày 02/12/2007, hiện tại cháu L2 đang sống chung với chị T1. Khi ly hôn anh L xác định cháu L2 muốn sống chung với ai là quyền lựa chọn của con. Nay cháu L2 muốn sống chung với chị T1 thì anh L cũng đồng ý giao cháu L2 cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng và anh L không cấp dưỡng nuôi con do hiện tại anh L bị bệnh khuyết tật không làm gì có thu nhập, hàng tháng chỉ được hưởng trợ cấp xã hội 405.000 đồng.

- Về tài sản chung: Anh L xác định anh L và chị T1 không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Trong thời gian chung sống anh L và chị T1 không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Phạm Thị Hồng T1 trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị T1 thống nhất với lời trình bày của anh L về quan hệ hôn nhân, con chung và nợ chung. Chị T1 xác định, quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2016 giữa chị T1 và mẹ chồng có xảy ra mâu thuẫn nên chị T1 bỏ đi 01 năm, do gia đình hòa giải nên chị T1 về tiếp tục sống chung với anh L, đến khoảng tháng 01/2019 thì tiếp tục mâu thuẫn với mẹ chồng nên chị T1 bỏ đi đến nay. Trước đây, chị T1 xác định vợ chồng không còn khả năng hàn gắn và không tiếp tục sống chung với nhau được nữa nên chị T1 đồng ý ly hôn với anh L, nhưng nay chị suy nghĩ lại vợ chồng không có xảy ra mâu thuẫn gì trầm trọng, do đó chị T1 không đồng ý yêu cầu xin ly hôn của anh L, chị T1 yêu cầu được đoàn tụ. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì chị T1 yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L2 và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi cháu L2 đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Chị T1 xác định trong quá trình giải quyết vụ án, chị T1 có yêu cầu ông Nguyễn Văn D chia cho chị T1 số tiền 400.000.000 đồng là công sức đóng góp đắp nền, xây cất nhà ở và làm dâu hơn 10 năm. Tuy nhiên, ngày 04/8/2020 chị T1 đã nộp đơn rút toàn bộ yêu cầu này. Ngoài ra, chị T1 và anh L không có tài sản nào khác nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T2 và là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn D trình bày:*

Bà T2, ông D không đồng ý yêu cầu chia cho chị T1 số tiền 400.000.000 đồng là công sức đóng góp đắp nền, xây cất nhà ở và làm dâu hơn 10 năm. Nay chị T1 rút yêu cầu chia số tiền 400.000.000 đồng thì bà T2 đồng ý và không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

* Tại phiên tòa, anh L giữa nguyên yêu cầu khởi kiện và chị T1 rút yêu cầu chia số tiền 400.000.0000 đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh L là Luật sư Tạ Nguyệt T trình bày: Về hôn nhân, Luật sư không có ý kiến do đây là quyền về nhân thân của anh L và chị T1. Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh L không phải cấp dưỡng nuôi con do anh L bị bệnh khuyết tật không lao động được.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị T1 là Luật sư Lê Hải L1 trình bày: Giữa chị T1 và anh L có thời gian dài sống hòa hợp, hạnh phúc. Việc chị T1 sống ly thân với anh L là chị T1 đi làm xa để kiếm thu nhập lo cho cuộc sống gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh L. Nếu Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh L, đề nghị buộc anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng, đến khi cháu L2 đủ 18 tuổi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu trình bày việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 57, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh L đối với chị T1, cho anh L và chị T1 ly hôn; về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh L2 cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng; về cấp dưỡng: Không chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng của chị T1 do anh L là người khuyết tật nặng, không có khả năng lao động tạo ra thu nhập; nợ chung không có và không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung: Căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ yêu cầu chia số tiền 400.000.000 đồng do chị T1 rút yêu cầu. Anh L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, sau khi thảo luận Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn L khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn với bị đơn là chị Phạm Thị Hồng T1 và chị T1 yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn, nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là chị T1 hiện đang cư trú tại Ấp T, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn L và chị Phạm Thị Hồng T1 tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 2007, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên quan hệ hôn nhân của anh L và chị T1 là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Anh L xác định, không còn tình cảm với chị T1 và cương quyết yêu cầu ly hôn với chị T1. Trước đây, chị T1 xác định chị không còn tình cảm với anh L, vợ chồng không thể hàn gắn được và chị T1 thống nhất yêu cầu ly hôn của anh L; nay chị T1 thay đổi ý kiến muốn vợ chồng được hàn gắn tình cảm. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân được hình thành trên nguyên tắc tự nguyện, tình cảm vợ chồng phải xuất phát từ hai phía. Anh L và chị T1 đều xác định vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau, người nào chỉ biết bổn phận người đó và đã sống ly thân từ năm 2016, sau đó được gia đình hòa giải đến tháng 5 năm 2019 thì ly thân đến nay. Cho nên quan hệ hôn nhân giữa anh L và chị T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, thực tế không thể hàn gắn, đời sống chung giữa anh L và chị T1 đã không thể tiếp tục duy trì và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh L, xử cho anh L được ly hôn với chị T1.

[3] Về con chung: Anh L và chị T1 thống nhất xác định có 01 con chung tên Nguyễn Minh L2, sinh ngày 02/12/2007, hiện tại cháu L2 đang sống chung với chị T1. Khi ly hôn, chị T1 yêu cầu trực tiếp nuôi con chung. Xét thấy, cháu L2 hiện đang sống ổn định với chị T1, cháu L2 có nguyện vọng sống chung với mẹ và anh L cũng đồng ý theo nguyện vọng của cháu L2 nên căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử có cơ sở giao cháu Nguyễn Minh L2, sinh ngày 02/12/2007 cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm con chung không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T1 yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi cháu L2 2.000.000 đồng/tháng đến khi cháu L2 đủ 18 tuổi. Anh L không đồng ý cấp dưỡng nuôi con lý do anh L bị khuyết tật, không thể lao động để tạo thu nhập. Xét thấy, theo quy định tại khoản 1 Điều 107 Luật Hôn nhân và gia đình thì *"Nghĩa vụ cấp dưỡng được thực hiện giữa cha, mẹ và con…"* và khoản 2 Điều 82 quy định *"Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con"*. Theo Công văn số 60 ngày 31/8/2020 của Phòng Lao động – Thương binh

và Xã hội huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu xác định *"Hiện nay ông Nguyễn Minh L, đang hưởng trợ cấp xã hội thường xuyên tại huyện Đ, số tiền hàng tháng lĩnh 405.000 đồng… thuộc đối tượng người khuyết tật vận động,…chỉ phụ giúp gia đình làm công việc nhẹ"*. Mặc dù, anh L là người bị khuyết tật vận động đang được hưởng trợ cấp hàng tháng nhưng không thuộc trường hợp không có khả năng lao động nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa, chị T1 xác định anh L không có tài sản riêng, chỉ có thu nhập từ hưởng trợ cấp xã hội và cha mẹ ruột. Căn cứ vào khả năng và thu nhập thực tế của anh L cũng như nhu cầu thiết yếu để nuôi con chung, chỉ chấp nhận một phần yêu cầu cấp dưỡng của chị T1, buộc anh L phải cấp dưỡng nuôi con là 745.000 đồng/tháng, kể từ ngày 14/9/2020 đến khi cháu L2 đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung: Chị T1 có yêu cầu ông Nguyễn Văn D chia cho chị T1 số tiền 400.000.000 đồng là công sức đóng góp đắp nền, xây cất nhà ở và làm dâu hơn 10 năm. Tuy nhiên, ngày 04/8/2020 chị đã nộp đơn rút toàn bộ yêu cầu này. Xét thấy, việc rút đơn của chị T1 là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ yêu cầu này của chị T1. Ngoài ra, chị T1 và anh L thống nhất xác định không có tài sản chung nào khác và không yêu cầu xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Anh L và chị T1 thống nhất xác định trong thời gian chung sống không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá là 1.976.000 đồng. Chị T1 phải chịu 1.976.000 đồng. Chị T1 đã nộp đủ và chi xong.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

Chị Phạm Thị Hồng T1 không phải chịu án phí.

[8] Như đã phân tích, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của Luật sư T; có căn cứ chấp nhận một phần đề nghị của Luật sư L1; có căn cứ chấp nhận một phần lời đề nghị của Kiểm sát viên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 và Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn L. Cho anh Nguyễn Văn L (Nguyễn Minh L) được ly hôn với chị Phạm Thị Hồng T1.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Minh L2, sinh ngày 02/12/2007 cho chị Phạm Thị Hồng T1 trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, hiện cháu L2 đang sống cùng với chị T1. Buộc anh Nguyễn Văn L phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 745.000 (bảy trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng. Thời hạn cấp dưỡng bắt đầu từ ngày 14/9/2020 cho đến khi cháu L2 đủ 18 tuổi. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm con chung không ai được quyền cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu của chị Phạm Thị Hồng T1 đối với ông Nguyễn Văn D chia cho chị T1 số tiền 400.000.000 đồng. Chị T1 và anh L thống nhất xác định không có tài sản chung nào khác và không yêu cầu xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh L và chị T1 thống nhất xác định trong thời gian chung sống không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về chi phí tố tụng: Chị T1 phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá là 1.976.000 đồng. Chị T1 đã nộp đủ và chi xong.

6. Về án phí: Anh Nguyễn Văn L phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Anh L đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0004081 ngày 11 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, nay được chuyển thu án phí hôn nhân và gia đình. Anh L còn phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Chị Phạm Thị Hồng T1 không phải nộp. Chị T1 đã nộp 10.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0004139 ngày 02 tháng 01 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu nên được hoàn lại.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND huyện Vĩnh Lợi;
- Chi cục THADS huyện V;
- Ủy ban nhân dân xã L, huyện V;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA; HCTP.

ĐÃ KÝ

Nguyễn Duy Khanh